

Số: 23/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 06 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Xét Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-BKTNS ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn giữa các sở, ngành, địa phương với tổng kế hoạch điều chỉnh là 433.023 triệu đồng, gồm : tăng kế hoạch vốn 65 dự án, giảm kế hoạch vốn 13 dự án (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (vốn trong nước)

a) Vốn trong nước

Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn giữa các sở, ngành, địa phương với tổng kế hoạch điều chỉnh là 94.730 triệu đồng, gồm: giảm kế hoạch vốn 04 danh mục dự án, tăng 06 danh mục dự án (*Phụ lục II kèm theo*).

b) Vốn nước ngoài

Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn giữa các sở, ngành, địa phương với tổng kế hoạch điều chỉnh 5.000 triệu đồng, gồm: giảm kế hoạch vốn 01 danh mục dự án, tăng 01 danh mục dự án (*Phụ lục III kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa X, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 01 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ký. *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, tvkiem.

CHỦ TỊCH**Mai Văn Huỳnh**

Phụ lục I
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú		
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng
					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn cân đối ngân sách						Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19	20		
	TỔNG SỐ (A+B)				11.915.939	6.911.575	6.428.051	3.120.541	868.283	58.923	340.000	469.360	868.283	58.923	340.000	469.360	433.023	-433.023			
A	VỐN BỐ TRÍ ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM				11.915.939	6.911.575	6.428.051	3.120.541	692.260	18.900	310.000	363.360	868.283	58.923	340.000	469.360	433.023	-257.000			
I	Sở Nông nghiệp				1.990.002	245.112	931.370	116.493	0	0	0	0	32.222	15.222	0	17.000	32.222	0			
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				1.990.002	245.112	931.370	116.493	0	0	0	0	32.222	15.222	0	17.000	32.222	0			
1	Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh	Huyện An Minh	2017-2021	Số 2591/QĐ-UBND, ngày 30/10/2015; 1135/QĐ-UBND, ngày 22/5/2017; 951/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh	123.000	1.000	116.000	6.000	0				7.000			7.000	7.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành, đề nghị bổ sung vốn tại Số 100/TTr-SNNPTNT ngày 08/3/2021 của Sở NN&PTNT		
2	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	Xã An Sơn, huyện Kiên Hải	2017-2022	Số 2281/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 317/QĐ-UBND, ngày 10/8/2020; 233/QĐ-UBND, ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh	152.289	44.289	89.000	31.000	0				1.000	1.000		1.000		Đề nghị bổ sung tại số 163/BC-SNNPTNT ngày 28/4/2021 của Sở NN&PTNT			
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của sông Cái Lớn - Cái Bé, tỉnh Kiên Giang	Huyện Châu Thành, huyện An Biên	2017-2022	Số 2296/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017; 3221/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh	80.014	36.000	64.694	28.694	0				2.000	2.000		2.000		Đề nghị bổ sung vốn tại số 47/TTr-SNNPTNT ngày 02/02/2021 của Sở NN&PTNT			
4	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	Toàn tỉnh	2015-2022	Số 2731/QĐ-UBND, ngày 10/11/2015; 1100/QĐ-UBND, ngày 15/5/2019; 462/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh	338.551	49.050	104.550	13.621	0				10.000	10.000		10.000		Đề nghị bổ sung tại số 163/BC-SNNPTNT ngày 28/4/2021 của Sở NN&PTNT;			
5	Tiểu dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản huyện An Minh, An Biên - thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	Huyện An Biên, An Minh	2017-2021	Số 1044/QĐ-UBND, 06/5/2016; 473/QĐ-UBND, 04/3/2019 của UBND tỉnh	736.800	109.373		34.000	0				10.000			10.000	10.000		Đề nghị bổ sung vốn tại số 47/TTr-SNNPTNT ngày 02/02/2021 của Sở NN&PTNT		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú				
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng	Giảm	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết		Nguồn cân đối ngân sách		Nguồn thu sử dụng đất			Nguồn thu xổ số kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+11+12+13	11	12	13	14+15+16+17	15	16	17	18	19	20				
6	Công trình hệ thống thủy lợi phục vụ Nuôi trồng thủy sản vùng Vàm Răng - Ba Hòn, tỉnh Kiên Giang	Huyện Hòn Đất - Kiên Lương	2007-2021	Số 1243/QĐ-UBND, 09/7/2007; 3115/QĐ-UBND, ngày 14/12/2009; 3053/QĐ-UBND, 27/12/2013; 832/QĐ-UBND, 27/4/2015; 210/QĐ-UBND, 23/01/2017, 2792/QĐ-UBND, 08/12/2020 của UBND tỉnh	559.348	5.400	557.126	3.178	0				2.222	2.222				2.222		Đề nghị bổ sung vốn tại số 47/TTr-SNNPTNT ngày 02/02/2021 của Sở NN&PTNT			
II	Sở Giao thông vận tải				2.820.878	2.820.878	764.689	764.689	510.000	0	300.000	210.000	510.000	0	296.200	213.800	169.300	-169.300					
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				2.820.878	2.820.878	764.689	764.689	510.000	0	300.000	210.000	510.000	0	296.200	213.800	169.300	-169.300					
1	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng	2019-2022	Số 2511/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	125.000	125.000	34.115	34.115	60.000			60.000	30.000			30.000		-30.000	Đề xuất giảm kế hoạch do còn vướng bồi thường GPMB trong quá trình làm việc xử lý khó khăn vướng mắc KH 2021				
2	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT 963B (đoạn Bến Nhứt - Giồng Riềng)	Huyện Giồng Riềng	2018-2021	Số 2411/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018; số 697/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh	133.759	133.759	86.000	86.000	0				28.100		28.100		28.100		Đề xuất bổ sung trong quá trình làm việc xử lý khó khăn vướng mắc KH 2021				
3	Cải tạo nâng cấp cầu Hùng Vương, Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	2019-2021	Số 1798/QĐ-UBND, 09/8/2019; số 1451/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh	49.995	49.995	28.200	28.200	0				11.600		11.600		11.600		Đề xuất bổ sung trong quá trình làm việc xử lý khó khăn vướng mắc KH 2021				
4	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	huyện Hòn Đất	2019-2022	2515/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	79.543	79.543	20.000	20.000	50.000			50.000	25.000			25.000		-25.000	Đề xuất giảm kế hoạch do còn vướng bồi thường GPMB trong quá trình làm việc xử lý khó khăn vướng mắc KH 2021				
5	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2019-2023	Số 2233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh	409.993	409.993	125.000	125.000	150.000		150.000		35.700		35.700			-114.300	Đề xuất giảm (do khối lượng thực hiện phải ưu tiên thu hồi ứng) trong quá trình làm việc xử lý khó khăn vướng mắc KH 2021				
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng môi trường nổi với đường trục Nam - Bắc	Thành phố Phú Quốc	2019-2023	Số 1752/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019; 2803/QĐ-UBND, 10/12/2019 của UBND tỉnh	919.628	919.628	210.000	210.000	150.000		150.000		220.800		220.800		70.800		Đề xuất bổ sung trong quá trình là việc xử lý khó khăn vướng mắc KH 2021				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú		
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất						Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất		Nguồn thu xổ số kiến thiết			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19	20		
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 61 đoạn Km88+774 (nút giao QL.63 thị trấn Minh Lương, Châu Thành) đến Km96+074 (nút giao Rạch Sỏi, QL.80, thành phố Rạch Giá)	Huyện Châu Thành và thành phố Rạch Giá	2019-2023	Số 2512/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	150.000	150.000	40.187	40.187	0				20.800			20.800	20.800		Theo Thông báo số 364/TB-VP ngày 01/6/2021 của VP UBND tỉnh.		
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Thành phố Rạch Giá và huyện Hòn Đất	2019-2023	Số 2232/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019; 2499/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	952.960	952.960	221.187	221.187	100.000			100.000	138.000			138.000	38.000		Đề xuất bổ sung trong quá trình làm việc xử lý hồ sơ khẩn vướng mắc KKT 2021		
III	Sở Y tế				6.041.299	2.982.088	4.524.530	2.010.430	30.000	0	0	30.000	91.368	0	0	91.368	90.868	-29.500			
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				6.011.304	2.952.093	4.524.530	2.010.430	30.000	0	0	30.000	86.368	0	0	86.368	85.868	-29.500			
1	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 2280/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh	160.000	160.000	38	38	30.000			30.000	500			500	-29.500		Chưa đủ hồ sơ để triển khai thực hiện		
2	Bệnh viện Sán Nhì	Thành phố Rạch Giá	2015-2020	Số 426/QĐ-UBND ngày 03/3/2015; 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh	915.857	735.573	735.208	554.924	0				59.000			59.000	59.000		Bổ sung mua sắm thiết bị theo Thông báo 115-TB/TU ngày 02/4/2021 của Tỉnh ủy		
3	Bệnh viện Ung bướu	Thành phố Rạch Giá	2011-2017	Số 2085/QĐ-UBND, 22/9/2011; 212/QĐ-UBND, 23/01/2017 của UBND tỉnh	822.369	166.520	497.424	74.808	0				2.538			2.538	2.538		Trả nợ khối lượng hoàn thành		
4	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường	Thành phố Rạch Giá	2016-2020	Số 2236/QĐ-UBND, ngày 29/10/2014; 2010/QĐ-UBND, ngày 25/9/2017; 2247/QĐ-UBND, ngày 01/10/2019; 2664/QĐ-UBND, ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh	4.113.078	1.890.000	3.291.860	1.380.660					24.330			24.330	24.330		Thanh toán khối lượng hoàn thành		
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				29.995	29.995	0	0	0	0	0	0	5.000	0	0	5.000	5.000	0			
1	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	2021-2023	Số 162/QĐ-BQLKKTQP ngày 28/7/2021 của BQL khu kinh tế Phú Quốc	29.995	29.995							5.000			5.000	5.000		Đề nghị số 2903/SYT-KHTC ngày 28/8/2021 của Sở Y tế		
IV	Sở Văn hóa thể thao				71.277	71.277	50.647	50.647	0	0	0	0	22.814	0	0	22.814	22.814	0			
a	Công trình chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				65.532	65.532	49.923	49.923	0	0	0	0	18.814	0	0	18.814	18.814	0			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú				
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng	Giảm	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết		Nguồn cân đối ngân sách		Nguồn thu sử dụng đất			Nguồn thu xổ số kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19	20				
1	Dự án bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa	Toàn tỉnh	2017-2021	Số 2282/QĐ-UBND, 30/10/2017; số 1722/QĐ-UBND, 12/7/2021 của UBND tỉnh	36.000	36.000	24.650	24.650					11.350			11.350	11.350		Đề nghị CV 815/SVHTT-KHTC ngày 05/7/2021 của Sở VHIT				
2	Bảo tồn và phát triển áp văn hóa truyền thống dân tộc Khmer	Châu Thành	2010-2021	Số 1856, 24/8/2010; 1167, 18/5/2018; 3205, 30/10/2020	8.873	8.873	8.114	8.114					759			759	759		Đề nghị CV 815/SVHTT-KHTC ngày 05/7/2021 của Sở VHIT				
3	Trung tâm VHIT huyện Kiên Hải	Kiên Hải	2018-2019	Số 340/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018; 162/QĐ-SKHĐT, 19/6/2020	9.959	9.959	7.959	7.959					5.205			5.205	5.205		Đề nghị CV 815/SVHTT-KHTC ngày 05/7/2021 của Sở VHIT				
4	Trung tâm VHIT huyện Hòn Đất	Hòn Đất	2018-2020	Số 332/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018, 28/QĐ-SKHĐT, 08/01/2020; 372/QĐ-SKHĐT, 01/12/2020	10.700	10.700	9.200	9.200					1.500			1.500	1.500		Đề nghị CV 815/SVHTT-KHTC ngày 05/7/2021 của Sở VHIT				
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				5.745	5.745	724	724	0	0	0	0	4.000	0	0	4.000	4.000	0					
1	Đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Thành phố Phú Quốc		Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch 1877/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh; Quyết định phê duyệt dự toán CBĐT số 123/QĐ-SVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Sở VHIT	5.745	5.745	724	724	0				4.000			4.000	4.000		Đề nghị bổ sung vốn thực hiện chuẩn bị đầu tư tại số 273/SVHTT-KHTC ngày 15/3/2021 của Sở Văn hóa thể thao				
V	Sở Tài nguyên Môi trường	Huyện: Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, An Minh, An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Giang Thành; TP Rạch Giá			78.728	35.392	0	0	8.000	8.000	0	0	3.324	3.324	0	0	3.324	-8.000					
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				78.728	35.392	0	0	8.000	8.000	0	0	3.324	3.324	0	0	3.324	-8.000					
1	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp.	Các huyện: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Tân Hiệp và thành phố Hà Tiên	2021-2023	Số 2642/QĐ-UBND, 16/11/2020 của UBND tỉnh	25.000	25.000			8.000	8.000			0	0				-8.000	Chưa đủ hồ sơ để triển khai thực hiện				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư														
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19	20
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (bố trí vốn đối ứng ODA)	Thành phố: Rach Giá, Hà Tiên, Phú Quốc; huyện: Tân Hiệp, Giồng Riềng, Châu Thành	2017-2022	Số 1236/QĐ-BTNMT, ngày 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường; 930/QĐ-TTg, 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; 2108/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh	53.728	10.392								3.324	3.324			3.324	Bố trí đối ứng theo đề nghị tại Công văn 413/STNMT-BQLDA ngày 06/5/2021 của Sở TN&MT
VI	Sở Du Lịch				80.591	53.591	59.465	32.465	0	0	0	0	12.000	0	0	12.000	12.000	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				80.591	53.591	59.465	32.465	0	0	0	0	12.000	0	0	12.000	12.000	0	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu Du lịch lịch sử thắng cảnh núi Mo So và Hồ Hoa Mai	Huyện Kiên Lương và huyện U Minh Thượng	2016-2021	Số 695/QĐ-UBND ngày 28/3/2016; số 1959/QĐ-UBND ngày 31/8/2016; số 2438/QĐ-UBND ngày 23/10/2019; số 1245/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh	80.591	53.591	59.465	32.465	0				12.000			12.000	12.000		Đề nghị bổ sung vốn tại số 64/KHTC-SDL ngày 12/3/2021 của Sở Du lịch
VII	Sở Kế hoạch và Đầu tư				73.377	73.377	11.885	11.885	10.000	0	10.000	0	25.000	0	25.000	0	15.000	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				73.377	73.377	11.885	11.885	10.000	0	10.000	0	25.000	0	25.000	0	15.000	0	
1	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó:	Toàn tỉnh	2019-2021	Số 2272/QĐ-UBND, ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh	73.377	73.377	11.885	11.885	10.000		10.000		25.000		25.000		15.000		Bổ sung thanh toán giá trị hoàn thành, đã thanh toán 9,563 tỷ đồng/10 tỷ đồng vốn KH 2021
VIII	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh				18.943	18.943	5.000	5.000	0	0	0	0	7.900	4.900	3.000	0	7.900	0	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				18.943	18.943	5.000	5.000	0	0	0	0	7.900	4.900	3.000	0	7.900	0	
1	Cải tạo, nâng cấp Ban chỉ huy Quân sự huyện Kiên Hải	Huyện Kiên Hải	2021-2023	Số 55/QĐ-SKHĐT ngày 24/02/2021 của Sở KH&ĐT	5.000	5.000	5.000	5.000	0				3.000	3.000			3.000		Đề nghị bổ sung vốn tại số 595/BC-BCH ngày 30/3/2021 của BCH Quân sự tỉnh
2	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng mới khu kỹ thuật Đại đội kho vũ khí/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang	Xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng	2021-2023	Số 229/QĐ-SKHĐT ngày 28/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	12.000	12.000							3.000		3.000		3.000		Bổ sung danh mục thực hiện KH 2021
3	Đầu tư mua sắm thiết bị chốt dân quân do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý	Huyện Giang Thành và thành phố Hà Tiên	2020-2022	Số 117/QĐ-SKHĐT ngày 25/5/2021 của Sở KH&ĐT	1.943	1.943							1.900	1.900			1.900		Bổ sung danh mục thực hiện KH 2021
IX	Bộ chỉ huy Biên Phòng tỉnh				18.371	18.371	0	0	4.000	4.000	0	0	4.300	4.300	0	0	4.300	-4.000	
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				18.371	18.371	0	0	4.000	4.000	0	0	4.300	4.300	0	0	4.300	-4.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư															
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19	20	
1	Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Giá	Phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá	2021-2022		9.100	9.100			4.000	4.000				0	0				-4.000	Chưa đủ hồ sơ để triển khai thực hiện
2	Đồn Biên phòng Thổ Châu (770)	Xã Thổ Châu, Thành phố Phú Quốc	2021-2022	Số 68/QĐ-BQLKKTPO, 26/4/2021 của BQL khu kinh tế Phú Quốc	8.303	8.303			0					4.000	4.000			4.000		Thay đổi danh mục thực hiện KH 2021
3	Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng	Thành phố: Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc	2021-2024	Quyết định kinh phí chuẩn bị đầu tư số 306/QĐ-BQLDA ngày 05/3/2021 của BQL dự án thuộc BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	968	968			0					300	300			300		KH 2021 bố trí thực hiện chuẩn bị đầu tư tại số 310/TTr-BCH ngày 10/3/2021 của BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh
X	Công trình trọng điểm, có tính chất liên kết vùng, thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội; công trình 2016-2020 chuyển tiếp sang 2021-2025 tính hỗ trợ huyện đầu tư.				185.285	185.285	43.700	43.700	13.000	0	0	13.000	23.797	0	5.000	18.797	20.797	-10.000		
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				131.985	131.985	43.400	43.400	13.000	0	0	13.000	15.497	0	0	15.497	12.497	-10.000		
1	Đường kênh Đồn Dong, huyện Châu Thành.	Huyện Châu Thành	2018-2021	Số 2491/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2426/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh	59.790	59.790	28.900	28.900	0					6.500			6.500	6.500		Đề nghị bổ sung vốn tại số 55/TTr-UBND ngày 18/5/2021 của UBND huyện Châu Thành
2	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa Phú 2, huyện Châu Thành.	Xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành	2019-2021	Số 3850/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND huyện Châu Thành	13.298	13.298	9.100	9.100	0					3.500			3.500	3.500		Đề nghị bổ sung vốn tại số 55/TTr-UBND ngày 18/5/2021 của UBND huyện Châu Thành
3	Nghĩa trang Liệt sĩ huyện An Biên (San lấp mặt bằng, xây mới hàng rào)	Huyện An Biên	2019-2021	Số 3756/QĐ-UBND, ngày 18/9/2019; số 1951/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND huyện An Biên	8.897	8.897	3.400	3.400	3.000			3.000	5.497			5.497	2.497			Đề nghị bổ sung vốn tại số 98/TTr-UBND ngày 18/5/2021 của UBND huyện An Biên
4	Cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965, huyện U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng	2019-2021	Số 2489/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019	50.000	50.000	2.000	2.000	10.000			10.000	0			0		-10.000		Chưa đủ hồ sơ để triển khai thực hiện; huyện UMT quản lý dự án
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				53.300	53.300	300	300	-	-	-	-	8.300	-	5.000	3.300	8.300	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư														
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh													
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng	Giảm	
										Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19	20
1	Cầu tuyến tránh Giồng Giếng	Huyện Giồng Riềng	2020-2022	Số 6307/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; số 2616/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Giồng Riềng	50.000	50.000	300	300	0				5.000		5.000		5.000		Thực hiện thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy số 293-TB/TU ngày 10/5/2021, huyện Giồng Riềng quản lý dự án
2	Dự án Quản lý nước bền vững Phú Quốc (bổ trí thực hiện công tác Chuẩn bị đầu tư)	Thành phố Phú Quốc	2022-2025		3.300	3.300			0				3.300			3.300	3.300		Đề nghị bổ sung vốn tại số 60/TTtr-BQLKKTPO ngày 19/5/2021 của BQL Khu kinh tế Phú Quốc
XI	Công an tỉnh				51.871	51.871	0	0	6.000	6.000	0	0	30.510	29.457	1.053	0	24.510	0	
a	Chuẩn bị đầu tư				4.271	4.271	0	0	0	0	0	0	2.010	2.010	0	0	2.010	0	
1	Trụ sở làm việc Công an xã Hòa Diên, Ngọc Chúc, Thanh Bình, Nam Thái, Đồng Hưng A, Đồng Hưng B và Nam Thái Sơn thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	Các huyện: Kiên Lương, Giồng Riềng, An Biên, An Minh, Hòn Đất	2022-2023	Dự toán chuẩn bị đầu tư số 358/QĐ-CAT-HC ngày 13/4/2021 của Công an tỉnh	1.026	1.026							470	470			470		Tờ trình số 112/TTtr-CAT-HC ngày 20/7/2021 của Công an tỉnh
2	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Giang, Vĩnh Hòa Hưng Nam, Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Tân Thuận, Vĩnh Thuận, Tân Hội, Thanh Đông B thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	Các huyện: Hòn Đất, Gò Quao, Vĩnh Thuận, tân Hiệp	2022-2023	Dự toán chuẩn bị đầu tư số 360/QĐ-CAT-HC ngày 13/4/2021 của Công an tỉnh	1.021	1.021							470	470			470		Tờ trình số 112/TTtr-CAT-HC ngày 20/7/2021 của Công an tỉnh
3	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Phường Vĩnh Quang thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2024-2025	Dự toán chuẩn bị đầu tư số 356/QĐ-CAT-HC ngày 12/4/2021 của Công an tỉnh	341	341							170	170			170		Tờ trình số 112/TTtr-CAT-HC ngày 20/7/2021 của Công an tỉnh
4	Trụ sở làm việc công an các xã: Sơn Bình, Thanh Đông, Tân Hiệp A, Thủy Liễu, Định An, Hòa Lợi, Ngọc Hòa thuộc công an tỉnh Kiên Giang	Các huyện: Hòn Đất, Tân Hiệp, Gò Quao, Giồng Riềng	2021-2023	Dự toán chuẩn bị đầu tư số 93/QĐ-CAT-HC ngày 25/02/2021 của Công an tỉnh	1.005	1.005							470	470			470		Tờ trình số 112/TTtr-CAT-HC ngày 20/7/2021 của Công an tỉnh
5	Trụ sở làm việc công an các xã: Đông Thanh, Vĩnh Hòa Phú, Định Hòa, Hòa Thuận, Thanh Hòa, Mỹ Thuận thuộc công an tỉnh Kiên Giang	Các huyện: An Minh, Châu Thành, Gò Quao, Giồng Riềng, Hòn Đất	2022-2023	Dự toán chuẩn bị đầu tư số 97/QĐ-CAT-HC ngày 25/02/2021 của Công an tỉnh	878	878							430	430			430		Tờ trình số 112/TTtr-CAT-HC ngày 20/7/2021 của Công an tỉnh
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				47.600	47.600	0	0	6.000	6.000	0	0	28.500	27.447	1.053	0	22.500	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú		
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất						Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất		Nguồn thu xổ số kiến thiết			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19	20		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Lai Sơn, Vĩnh Phú (Giang Thành), Thổ Sơn, Bình Trị, An Minh Bắc, Mong Thọ A thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	Các huyện: Kiên Hải, Giang Thành, Hòn Đất, Kiên Lương, U Minh Thượng, Châu Thành	2021-2022	Số 404/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở KH&ĐT	11.900	11.900			3.000	3.000			9.700	9.700			6.700		Đã thanh toán hết KH 2021 được bố trí 3 tỷ đồng. Đề nghị bổ sung vốn tại số 496/CAT-HC ngày 20/5/2021 của Công an tỉnh		
2	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Lộc, Nam Thái A, Đông Yên, Minh Thuận, Thạnh Yên, Vĩnh Phú (Giồng Riềng), Mỹ Lâm thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	Các huyện: Châu Thành, An Biên, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Hòn Đất	2021-2022	Số 405/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở KH&ĐT	11.900	11.900			3.000	3.000			9.800	9.800			6.800		Đã thanh toán hết KH 2021 được bố trí 3 tỷ đồng. Đề nghị bổ sung vốn tại số 496/CAT-HC ngày 20/5/2021 của Công an tỉnh		
3	Trụ sở làm việc công an các xã: Thạnh Phước, Bàn Tân Định, Văn Khánh Tây, Thuận Hòa, Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Thắng, Giục Tượng thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	Các huyện: Giồng Riềng, An Minh, Vĩnh Thuận, Gò Quao, Châu Thành	2021-2023	Số 236/QĐ-SKHĐT ngày 10/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	11.900	11.900							4.500	3.447	1.053		4.500		Tờ trình số 124/TTr-CAT-HC ngày 11/8/2021 của Công an tỉnh		
4	Trụ sở làm việc công an các xã: Minh Hòa, Đông Hòa, Mong Thọ B, Thạnh Yên A, Vĩnh Phong, Sơn Kiên, Tân Thành thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Châu Thành, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Tân Hiệp	2021-2023	Số 237/QĐ-SKHĐT ngày 10/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	11.900	11.900							4.500	4.500			4.500		Tờ trình số 124/TTr-CAT-HC ngày 11/8/2021 của Công an tỉnh		
X	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội				17.894	17.894	14.765	14.765	0	0	0	0	821	0	0	821	821	0			
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				17.894	17.894	14.765	14.765	0	0	0	0	821	0	0	821	821	0			
1	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao	Xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao	2019-2020	Số 338/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	3.000	3.000	2.100	2.100					46			46	46		Thanh toán quyết toán, 'đề nghị bổ sung vốn tại Số 1004/TTr-LĐTBXH ngày 16/4/2021 của Sở Lao động TBXH		
2	Chỉnh trang cơ sở hạ tầng khu từ trần thuộc nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang: hạng mục: tường rào bao quanh, nhà vệ sinh, xây sân học mộ, san lấp mặt bằng, hệ thống giao thông, thoát nước, hệ thống cấp điện chiếu sáng và cây xanh	Thành phố Rạch Giá	2016-2017	Số 380/QĐ-SKHĐT, 26/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.894	14.894	12.665	12.665					775			775	775		Thanh toán quyết toán,'đề nghị bổ sung vốn tại Số 1004/TTr-LĐTBXH ngày 16/4/2021 của Sở Lao động TBXH		
XI	Huyện Giang Thành				11.610	11.610	0	0	16.360	0	0	16.360	16.360	0	0	16.360	5.000	-5.000			
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				11.610	11.610	0	0	16.360	0	0	16.360	16.360	0	0	16.360	5.000	-5.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất						Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19	20
1	Nạo vét kênh Vĩnh Tế, huyện Giang Thành.	Xã Tân Khánh Hòa - Vĩnh Diệu Vĩnh Phú, huyện Giang Thành	2021-2022	Số 1807/QĐ-UBND, ngày 28/10/2020 của UBND huyện Giang Thành	11.610	11.610			5.000			5.000	0			0		-5.000	Dừng triển khai, do Ban 10 của Bộ Nông nghiệp sẽ đầu tư
2	Đầu tư công trình giao thông nông thôn								11.360			11.360	16.360			16.360	5.000		Bổ sung đầu tư giao thông nông thôn
XII	Sở Giáo dục và Đào tạo				35.315	35.315	0	0	0	0	0	0	9.600	0	0	9.600	9.600	0	
a	Bổ trí chuẩn bị đầu tư Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				20.335	20.335	0	0	0	0	0	0	5.600	0	0	5.600	5.600	0	
1	Đầu tư xây dựng công trình Trường Trung học phổ thông Phú Quốc	Phường Dương Đông, TP Phú Quốc	2022-2024	Dự toán CBĐT số 676/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	508	508			0				500			500	500		Bổ trí chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
2	Trường Trung học phổ thông Dương Đông	Phường Dương Đông, TP Phú Quốc	2021-2023	Dự toán CBĐT số 673/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	388	388			0				350			350	350		Bổ trí chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
3	Trường Trung học phổ thông An Thới	Phường An Thới, T.P Phú Quốc	2021-2023	Dự toán CBĐT số 675/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	427	427			0				400			400	400		Bổ trí chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
4	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thắng	Xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao	2021-2023	Dự toán CBĐT số 669/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	363	363			0				350			350	350		Bổ trí chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
5	Trường Trung học cơ sở Đinh Hòa	Xã Đinh Hòa, huyện Gò Quao	2021-2022	Dự toán CBĐT số 671/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	617	617			0				600			600	600		Bổ trí chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
6	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên	Phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên	2021-2023	Dự toán CBĐT số 667/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	368	368			0				300			300	300		Bổ trí chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
7	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	Thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành	2021-2023	Dự toán CBĐT số 674/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	641	641			0				600			600	600		Bổ trí chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
8	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Văn Xiển	Xã Tân Thanh, huyện An Minh	2021-2023	Dự toán CBĐT số 670/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	430	430			0				400			400	400		Bổ trí chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
9	Trường Trung học phổ thông An Biên	Huyện An Biên	2021-2023	Dự toán CBĐT số 274/QĐ-SGDĐT ngày 06/4/2021 của Sở GD&ĐT	321	321			0				300			300	300		Bổ trí chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư														
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19	20
10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang	Phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá	2021-2023	Dự toán CBĐT số 672/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	369	369			0				350			350	350		Bỏ tri chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
11	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn Vĩnh Thuận	Thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	2022-2024	Số 239/QĐ-SKHĐT ngày 13/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.980	14.980			0				650			650	650		Bỏ tri chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
12	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Phong	Xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận	2022-2024	Dự toán CBĐT số 679A/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	608	608							500			500	500		Bỏ tri chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
13	Trường Trung học phổ thông Cây Dương	Xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp	2021-2023	Dự toán CBĐT số 668/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2021 của Sở GD&ĐT	315	315			0				300			300	300		Bỏ tri chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị cho kế hoạch 2022
b	Công trình khởi công mới kế hoạch 2021				14.980	14.980	0	0	0	0	0	0	4.000	0	0	4.000	4.000	0	
1	Trường Tiểu học Phú Lợi	Xã Phú Lợi, huyện Giang Thành	2021-2022	Số 216/QĐ-SKHĐT ngày 15/7/2021 của Sở KHĐT	14.980	14.980			0				4.000			4.000	4.000		Đề nghị tại Tờ trình số 2029/TTr-SGDĐT ngày 31/8/2021 của Sở GDĐT
XIII	Sở Thông tin truyền thông				46.384	46.384	0	0	0	0	0	0	820	820	0	0	820	0	
a	Bỏ tri chuẩn bị đầu tư				46.384	46.384	0	0	0	0	0	0	820	820	0	0	820	0	
1	Dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	145 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	2021-2023	Dự toán chuẩn bị đầu tư số 21/QĐ-STTTT ngày 18/3/2021 của Sở Thông tin truyền thông	29.900	29.900							370	370			370		Tờ trình số 83/TTr-STTTT ngày 29/7/2021 của Sở Thông tin truyền thông
2	Đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh	Thành phố Rạch Giá	2021-2023	Dự toán chuẩn bị đầu tư số 70/QĐ-STTTT ngày 21/7/2021 của Sở Thông tin truyền thông	1.899	1.899							30	30			30		Tờ trình số 83/TTr-STTTT ngày 29/7/2021 của Sở Thông tin truyền thông
3	Đầu tư xây dựng công dữ liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2021-2023	Dự toán chuẩn bị đầu tư số 67/QĐ-STTTT ngày 16/7/2021 của Sở Thông tin truyền thông	14.585	14.585							420	420			420		Tờ trình số 83/TTr-STTTT ngày 29/7/2021 của Sở Thông tin truyền thông
XIV	Thành phố Rạch Giá				170.287	170.287	22.000	22.000	94.000	0	0	94.000	62.800	0	0	62.800	0	-31.200	Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 25/8/2021 của UBND TPRG
a	Công trình chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				170.287	170.287	22.000	22.000	94.000	0	0	94.000	62.800	0	0	62.800	0	-31.200	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh				Kế hoạch năm 2021 vốn ngân sách tỉnh (sau điều chỉnh)				Chênh lệch so kế hoạch ban đầu		Ghi chú		
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tăng
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất						Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn thu sử dụng đất		Nguồn thu xổ số kiến thiết			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19	20		
1	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Lê Hồng Phong đến đường Phan Thị Ràng)	Thành phố Rach Giá	2019-2021	Số 2507/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	53.469	53.469	1.000	1.000	30.000			30.000	18.000			18.000		-12.000	Châm triển khai; đề nghị tại số 199/TTr-UBND ngày 25/8/2021 của UBND TPRG		
2	Đường Trần Văn Giàu (khu dân cư Nam An Hòa - đường Phan Thị Ràng)	Thành phố Rach Giá	2019-2021	Số 2508/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	64.818	64.818	1.000	1.000	40.000			40.000	29.000			29.000		-11.000	Châm triển khai; đề nghị tại số 199/TTr-UBND ngày 25/8/2021 của UBND TPRG		
3	Kè Kênh Nhánh và đường (cầu 3/2 đến công viên Tôn Đức Thắng)	Thành phố Rach Giá	2019-2021	Số 2529/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	30.000	30.000	10.000	10.000	15.000			15.000	8.500			8.500		-6.500	Tất toán công trình; đề nghị tại số 199/TTr-UBND ngày 25/8/2021 của UBND TPRG		
4	Kè, đường và công viên (đường Hoàng Diệu đến công Sóng Kiên) 16ha	Thành phố Rach Giá	2019-2021	Số 2528/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	22.000	22.000	10.000	10.000	9.000			9.000	7.300			7.300		-1.700	Tất toán công trình; đề nghị tại số 199/TTr-UBND ngày 25/8/2021 của UBND TPRG		
XV	Văn phòng UBND tỉnh				999	999	0	0	900	900	0	0	968	900	68	0	68	0			
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				999	999	0	0	900	900	0	0	968	900	68	0	68	0			
1	Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang; hạng mục: cải tạo Nhà ở chốt cánh sát bảo vệ và phòng máy chủ	Thành phố Rach Giá	2020-2022	Số 395/QĐ-SKHĐT, ngày 14/12/2020 của Sở KH&ĐT	999	999			900	900			968	900	68		68		Quyết toán dự án; Tờ trình số 634/TTr-VP ngày 18/8/2021 của VP UBND tỉnh		
XVI	Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang				14.990	14.990	0	0	0	0	0	0	4.000	0	0	4.000	4.000	0			
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				14.990	14.990	0	0	0	0	0	0	4.000	0	0	4.000	4.000	0			
1	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025.	Thành phố Rach Giá	2021-2022	Số 230/QĐ-SKHĐT ngày 28/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.990	14.990							4.000			4.000	4.000		Tờ trình số 39/TTr-CDSP ngày 20/8/2021 của Trường CD Sư phạm Kiên Giang		
XVII	Đổi ứng dự án vốn ODA				187.838	57.911	0	48.467	0	0	0	0	9.679	0	9.679	0	9.679	0			
a	Công trình chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				187.838	57.911	0	48.467	0	0	0	0	9.679	0	9.679	0	9.679	0			
1	Tiểu dự án: Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang- Hòn Phụ Tử thuộc cầu phần 2 của Dự án "phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng"	Huyện Kiên Lương	2014-2021	Số 1469/QĐ-BVHTTDL, 16/5/2014; 2192, QĐ-BVHTTDL, 25/6/2015; số 165/QĐ-BVHTTDL ngày 15/01/2021 của Bộ VHTTDL; số 1915/QĐ-UBND ngày 28/8/2018; số 1528/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh	187.838	57.911		48.467					9.679		9.679		9.679		Đề nghị số 10/BTHDA-KTĐT ngày 12/8/2021 của Ban thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng Du lịch GMS		
B	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ								176.023	40.023	30.000	106.000	0		0	0		-176.023			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		kế hoạch năm 2021		Điều chỉnh kế hoạch năm 2021		Chênh lệch		Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tăng	Giảm			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW											
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG						1.410.068	1.294.598	431.070	431.070	812.730	812.730	295.026	295.026	295.026	295.026	94.730	-94.730	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG						977.798	934.598	187.070	187.070	696.730	696.730	255.026	255.026	179.026	179.026	18.730	-94.730	
a)	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025						309.000	265.800	187.070	187.070	78.730	78.730	60.000	60.000	78.730	78.730	18.730	0	
1	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	Các huyện: An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Gò Quao	21 km; 18 cầu	2017	2022	Số 2271/QĐ-UBND, 30/10/2017; số 1244/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh	309.000	265.800	187.070	187.070	78.730	78.730	60.000	60.000	78.730	78.730	18.730		Bổ sung đủ kế hoạch vốn TW theo ý kiến Bộ KH&ĐT tại Công văn số 2665/BKHĐT-KTĐPLT ngày 10/5/2021
b)	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025						668.798	668.798	-	-	618.000	618.000	195.026	195.026	100.296	100.296	-	-94.730	
1	Cầu Thử Ba (ngang kênh xáng Xẻo Rô)	Huyện An Biên	tải trọng cầu 25 tấn	2021	2024	Số 33/NQ-HĐND, 28/7/2020 của HĐND huyện An Biên	250.000	250.000			250.000	250.000	80.000	80.000	30.000	30.000		-50.000	Điều chỉnh giảm để phù hợp khả năng sử dụng vốn
2	Đường Minh Lương - Giục Tượng	Huyện Châu Thành	5,58 km; 06 cầu; 03 cống	2021	2023	Số 16/NQ-HĐND, 20/11/2020 của HĐND huyện Châu Thành; số 2711/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Châu Thành	168.798	168.798			168.000	168.000	53.000	53.000	38.296	38.296		-14.704	Điều chỉnh giảm để phù hợp khả năng sử dụng vốn
3	Cầu thị trấn Thứ 11 (vượt kênh Tân Bằng - Càn Gáo)	Huyện An Minh	tải trọng cầu 25 tấn	2021	2024	Số 137/NQ-HĐND, 26/11/2020 của HĐND huyện An Minh; số 1973/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện An Minh	200.000	200.000			200.000	200.000	42.000	42.000	32.000	32.000		-10.000	Điều chỉnh giảm để phù hợp khả năng sử dụng vốn
4	Cầu tuyến tránh Giồng Riềng	Huyện Giồng Riềng	tải trọng cầu 25 tấn	2020	2022	Số 6307/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; số 2616/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Giồng Riềng	50.000	50.000					20.026	20.026	0	0		-20.026	Đã đầu tư từ vốn ngân sách tỉnh
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP						362.270	297.000	214.000	214.000	83.000	83.000	20.000	20.000	83.000	83.000	63.000	0	
a)	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025						362.270	297.000	214.000	214.000	83.000	83.000	20.000	20.000	83.000	83.000	63.000	0	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		kế hoạch năm 2021		Điều chỉnh kế hoạch năm 2021		Chênh lệch		Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tăng	Giảm	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW											
1	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	Xã An Sơn, huyện Kiên Hải	205.000 m3	2017	2022	Số 2281/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 317/QĐ-UBND, ngày 10/8/2020; 233/QĐ-UBND, ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh	152.289	108.000	58.000	58.000	50.000	50.000	20.000	20.000	50.000	50.000	30.000		Bổ sung dự kế hoạch vốn TW theo ý kiến Bộ KH&ĐT tại Công văn số 2665/BKHĐT-KTĐPLT ngày 10/5/2021; Đề nghị tại số 163/BC-SNNPTNT ngày 28/4/2021 của Sở NN&PTNT
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá mũi Gành Dầu	Thành phố Phú Quốc		2016	2021	Số 1474/QĐ-UBND, ngày 20/7/2015; số 1393/QĐ-UBND, 16/6/2016; số 3164/QĐ-UBND, 29/12/2020 của UBND tỉnh	120.000	108.000	83.000	83.000	25.000	25.000	-	25.000	25.000	25.000	25.000		Đề nghị bổ sung vốn tại số 47/TTr-SNNPTNT ngày 02/02/2021 của Sở NN&PTNT
3	Đầu tư bảo vệ phát triển bền vững Vườn Quốc gia Phú Quốc giai đoạn 2016-2020.	Thành phố Phú Quốc		2016	2021	Số 2600/QĐ-UBND, 30/10/2015; 698/QĐ-UBND, 28/3/2016; 1676/QĐ-UBND, 22/7/2016; 2020/QĐ-UBND, 06/9/2016; 2700/QĐ-UBND, 26/11/2018; 2850/QĐ-UBND, 16/12/2019 của UBND tỉnh	89.981	81.000	73.000	73.000	8.000	8.000	-	8.000	8.000	8.000	8.000		Bổ sung dự kế hoạch vốn TW theo ý kiến Bộ KH&ĐT tại Công văn số 2665/BKHĐT-KTĐPLT ngày 10/5/2021; Đề nghị tại số 49/BC-VQG ngày 12/4/2021 của Vườn Quốc gia Phú Quốc
III	LĨNH VỰC XÃ HỘI						70.000	63.000	30.000	30.000	33.000	33.000	20.000	20.000	33.000	33.000	13.000	0	
a)	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025						70.000	63.000	30.000	30.000	33.000	33.000	20.000	20.000	33.000	33.000	13.000	0	
1	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm	Huyện Phú Quốc	2450m2	2017	2021	Số 270/QĐ-BQLKKTQP, ngày 31/10/2017; số 139/QĐ-BQLKKTQP ngày 12/6/2019; 33/QĐ-BQLKKTQP ngày 27/01/2021 của Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	45.000	45.000	20.000	20.000	25.000	25.000	20.000	20.000	25.000	25.000	5.000		Bổ sung dự kế hoạch vốn TW theo ý kiến Bộ KH&ĐT tại Công văn số 2665/BKHĐT-KTĐPLT ngày 10/5/2021
2	Dự án nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang	Xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất	Xây dựng 15 phòng học; nhà đa năng; các hạng mục phụ	2020	2022	Số 2492/QĐ-UBND, ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh	25.000	18.000	10.000	10.000	8.000	8.000	-	8.000	8.000	8.000	8.000		Bổ sung dự kế hoạch vốn TW theo ý kiến Bộ KH&ĐT tại Công văn số 2665/BKHĐT-KTĐPLT ngày 10/5/2021



Phụ lục III

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định đầu tư							Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	kế hoạch năm 2021		Điều chỉnh kế hoạch năm 2021		Chênh lệch		Ghi chú			
					Số quyết định	Tổng mức đầu tư							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tăng	Giảm	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:															
							Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách trung ương	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)													
									Quy đổi ra tiền Việt													
									Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách trung ương	Tổng số											Trong đó:
Đưa vào cân đối ngân sách trung ương	Vay lại																					
Đơn vị: Triệu đồng																						
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
Tổng cộng						729.247	117.238	109.395	612.009	428.406	183.603	214.300	214.300	140.000	140.000	140.000	140.000	5.000	-5.000			
I	Lĩnh vực nông nghiệp				729.247	117.238	109.395	612.009	428.406	183.603	214.300	214.300	140.000	140.000	140.000	140.000	5.000	-5.000				
	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				729.247	117.238	109.395	612.009	428.406	183.603	214.300	214.300	140.000	140.000	140.000	140.000	5.000	-5.000				
1	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	huyện An Biên, An Minh	2017	2022	Số 1825/TTg-QHQT, 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, 1693/QĐ-BNN-HTQT, 09/5/2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn;	729.247	117.238	109.395	612.009	428.406	183.603	214.300	214.300	135.000	135.000	140.000	140.000	5.000				
2	Dự án Quản lý nước bền vững Phú Quốc	thành phố Phú Quốc												5.000	5.000	-	-	-5.000	Chưa ký được hiệp định vay; đã bố trí vốn ngân sách tỉnh thực hiện chuẩn bị đầu tư.			